WITHOUT TREND 2 – COMPARATIVE

Vì so tỉ lệ với nhau nên dùng : high / big /…

Tỉ lệ % của cái gì			**thì**	**cao bằng cao gần bằng không cao bằng**	**tỉ lệ % của cái gì**			**với số liệu là …**
The percentage	**of**	**Subject**	**(be)**	**as high as nearly as high as not as high as**	**that**	**of**	**Subject**	**at …% for the former and …% for the latter (former: cái dc nhắc trước latter: cái được nhắc sau)**
The percentage	of	sushi	was	as high as nearly as high as not as high as	that	of	chips	at 31% for the former and 33% for the latter.

Practice:

In 2000, ….

1. French fries – 26% - chips – 26% (cao bằng: as high as)

2. Clothing – 25% - transport – 27% (gần bằng: nearly as high as)

3. Food – 15% - housing – 32% (không cao bằng: not as high as)

LIVEWORKSHEETS